

NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN PHẦN MỀM KẾ TOÁN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG TẠI THANH HÓA

Lê Thị Minh Trí¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán (PMKT) của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa. Dựa trên cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu được xây dựng trong các nghiên cứu trước, tác giả tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua khảo sát Ban Giám đốc, kế toán trưởng, kế toán viên các DNNVV trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa trong năm 2024. Kết quả nghiên cứu có 05 yếu tố tác động đến quyết định sử dụng PMKT của DNNVV trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa theo thứ tự là: Tính năng của phần mềm; Yêu cầu của người sử dụng; Chi phí sử dụng phần mềm, uy tín nhà cung cấp phần mềm; Dịch vụ sau bán hàng. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số khuyến nghị được đưa ra giúp cho các DNNVV trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa quyết định lựa chọn PMKT phù hợp nhằm làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, lĩnh vực xây dựng, phần mềm kế toán, tỉnh Thanh Hóa.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.72.02.2025.721>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nền kinh tế thị trường, đi đôi với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, nhiều nhà cung cấp đã cho ra đời các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng trong hạch toán kế toán. PMKT là công cụ hỗ trợ đắc lực cho những người làm kế toán. Vì vậy, nhu cầu đối với các gói phần mềm kế toán có chất lượng tốt và đáng tin cậy liên tục tăng lên. PMKT đã mang lại lợi ích rất lớn cho doanh nghiệp, việc hạch toán kế toán trở nên nhanh chóng và có độ chính xác cao hơn rất nhiều so với hạch toán kế toán thủ công. Các gói phần mềm đã cung cấp phần lớn các tính năng mà có thể điều chỉnh, thay đổi để phù hợp với đặc tính hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp không phải là một nhiệm vụ dễ dàng.

Tại tỉnh Thanh Hóa, số lượng doanh nghiệp thành lập mới tính đến tháng 9 năm 2023 là 2.411 doanh nghiệp (trong đó doanh nghiệp xây dựng đăng ký thành lập là 380 doanh nghiệp chiếm 18%). Tính đến năm 2023, tại Thanh Hóa có 1.752 doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực xây dựng. Tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng chiếm tới 48,8% cơ cấu GRDP của tỉnh, là mục tiêu chính cho tăng trưởng kinh tế toàn tỉnh năm 2024. Song song với việc các DNNVV trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa thành lập mới thì việc ứng

¹ Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức; Email: lethiminhtrikt@hdu.edu.vn

dụng PMKT của khối doanh nghiệp này sẽ ngày càng tăng. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều đơn vị cung cấp phần mềm kế toán với nhiều ưu điểm và nhược điểm khác nhau sử dụng cho các công ty xây dựng như: Bravo, Fast, Smart Pro... Tuy nhiên, trên thực tế việc ứng dụng PMKT của nhóm doanh nghiệp này chỉ mới dừng ở việc: sử dụng phần mềm ứng dụng MS Excel; sử dụng phần mềm đóng gói hoặc theo yêu cầu; sử dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP. Chúng tôi mong muốn phát triển và nâng cao tầm ảnh hưởng của các DNNVV trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa vẫn đang gặp nhiều khó khăn, bởi việc cải thiện trong cung cấp thông tin kế toán còn hạn chế, khi PMKT chưa được hoặc ít được áp dụng trong công tác kế toán của khối doanh nghiệp này.

Vấn đề đặt ra là cần có tiêu chí cụ thể để dựa vào đó DNNVV trong lĩnh vực xây dựng tại tỉnh Thanh Hóa sẽ quyết định lựa chọn phần mềm phù hợp với đơn vị mình, để tương thích với quy mô, điều kiện tài chính, yêu cầu thông tin... Xác định các tiêu chí để lựa chọn một PMKT cho doanh nghiệp là quan trọng và cần thiết. Với mong muốn đó, tác giả đã nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn PMKT của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất các giải pháp giúp cho doanh nghiệp lựa chọn được PMKT phù hợp với đơn vị mình.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa và kết hợp thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp xây dựng, các đặc thù khác biệt so với các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Tác giả vận dụng ba học thuyết là lý thuyết hành vi dự định (TPB), mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) và lý thuyết hợp nhất về sử dụng và chấp nhận công nghệ (UTAUT) làm cơ sở nền tảng xây dựng mô hình lý thuyết, bao gồm biến phụ thuộc là quyết định lựa chọn PMKT và biến độc lập là các nhân tố có ảnh hưởng đến sự lựa chọn này. Tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu gồm 5 nhân tố như sau:

Yêu cầu của người sử dụng: Theo Ahmad A.Abu-Musa (2005), một phần mềm kế toán phù hợp sẽ đáp ứng được nhu cầu hiện tại và có thể dễ dàng thay đổi để thích nghi với nhu cầu tương lai của doanh nghiệp. Do đó, sự lựa chọn phần mềm phải phù hợp với yêu cầu của người dùng [1]. Theo nghiên cứu của Nguyễn Phước Bảo Ân và cộng sự (2012) có đưa ra các tiêu chí lựa chọn phần mềm kế toán đáp ứng với yêu cầu của người dùng như sau: “PMKT phải phù hợp với quy định của luật pháp, chế độ của doanh nghiệp đăng ký; PMKT phải phù hợp với đặc điểm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; PMKT phải phù hợp với quy mô và đặc điểm tổ chức của bộ máy kế toán; PMKT phải phù hợp với yêu cầu xử lý và cung cấp thông tin kế toán; PMKT phải phù hợp với yêu cầu tích hợp dữ liệu, lập báo cáo tài chính; PMKT phải phù hợp với yêu cầu về tốc độ xử lý thông tin; PMKT phải thân thiện, dễ sử dụng, kiểm tra và thuận tiện truy xuất thông tin” [1].

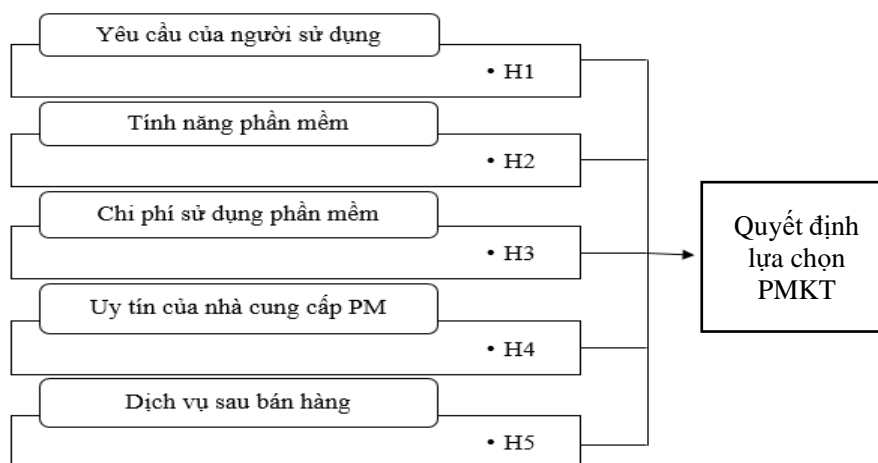
Tính năng của phần mềm: Trong nghiên cứu của Ahmad A.Abu-Musa (2005), tính năng được hiểu là những đặc điểm về khả năng, tác dụng của một vật, một đối tượng. Tính năng của phần mềm kế toán là những đặc điểm về khả năng của phần mềm có thể xử lý được [1]. Theo nghiên cứu của Nguyễn Phước Bảo Ân và cộng sự (2012), phần mềm kế

toán hữu ích thường bao gồm các tính năng sau: tính linh hoạt, chính xác, tính bảo mật và an toàn, tính phổ biến, cam kết bảo hành, bảo trì, khả năng song ngữ của phần mềm, ngoài ra theo nghiên cứu của Ahmad A. Abu-Musa (2005) còn có các tính năng khác như khả năng tùy chỉnh, tạo báo cáo tài chính, cấu trúc số tài khoản, tính năng Web và thương mại điện tử, tiền tệ nước ngoài, liên kết với bên thứ ba,...[2].

Chi phí sử dụng phần mềm: Trong nghiên cứu của Lapierre (2000), nghiên cứu của Elikai và cộng sự (2007), nghiên cứu Pary và cộng sự (2010) và nghiên cứu của Anil S. Jadhav và Rajendra M. Sonar (2009) chỉ ra chi phí của phần mềm là toàn bộ chi phí bỏ ra để sử dụng một phần mềm kế toán như: chi phí bản quyền, cài đặt, chi phí đào tạo huấn luyện, chi phí về tài liệu phần mềm, chi phí bảo trì,...[3][4][6][7]. Trong kinh doanh, đặc biệt là doanh nghiệp xây dựng, vấn đề chi phí được chú trọng quản lý rất kỹ, khi chi phí bỏ ra phải mang lại lợi ích kinh tế tương đương hoặc lớn hơn. Khi lựa chọn phần mềm, hầu hết các doanh nghiệp đều quan tâm đến giá cả của phần mềm phù hợp với tình hình tài chính hiện tại và đáp ứng được các yêu cầu, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh.

Uy tín của nhà cung cấp phần mềm: Việc lựa chọn được nhà cung cấp tin cậy sẽ cung cấp những báo cáo có chất lượng cho việc ra các quyết định, ngoài ra công tác đào tạo, tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật và đáp ứng các yêu cầu trong tương lai cũng được thực hiện tốt [2][3][6]. Nhà cung cấp phần mềm kế toán sẽ trở thành đối tác chiến lược của doanh nghiệp trong nhiều năm, vì vậy trong quá trình lựa chọn phần mềm cần lựa chọn nhà cung cấp có khả năng hỗ trợ các yêu cầu hiện tại và tương lai của doanh nghiệp, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra tốt hơn.

Dịch vụ sau bán hàng: Dịch vụ sau bán hàng là dịch vụ nhằm cung cấp những chính sách ưu đãi, bảo hành, chăm sóc khách hàng sau khi đã mua phần mềm kế toán, bao gồm các hoạt động như: hướng dẫn sử dụng, sửa chữa, bảo hành, tư vấn hỗ trợ khách hàng,... [7]



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

H1: Yêu cầu của người sử dụng ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của các DNNVV.

H2: Tính năng phần mềm ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của các DNNVV.

H3: Chi phí sử dụng phần mềm ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của các DNNVV.

H4: Uy tín của nhà cung cấp phần mềm ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của các DNNVV.

H5: Dịch vụ sau bán hàng ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của các DNNVV.

Bảng 1. Bảng thang đo các tổ ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn PMKT

Nhân tố	Mã hóa	Tên biến quan sát
Yêu cầu của người sử dụng	YC1	PMKT phải phù hợp với các quy định của pháp luật, chế độ kế toán của doanh nghiệp đã đăng ký.
	YC2	PMKT phải phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý, đặc thù của ngành xây dựng.
	YC3	PMKT phải phù hợp với quy mô và đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp.
	YC4	PMKT phải có giao diện dễ nhìn, dễ sử dụng, dễ kiểm tra, dễ truy xuất thông tin.
	YC5	PMKT phải phù hợp yêu cầu, tốc độ xử lý và cung cấp thông tin kế toán
	YC6	PMKT phải phù hợp, tương thích với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng tại doanh nghiệp.
Tính năng của phần mềm	TN1	PMKT phải đảm bảo tính linh hoạt, bảo mật và an toàn
	TN2	PMKT phải đảm bảo có độ tin cậy và tính chính xác cao.
	TN3	PMKT phải đảm bảo tích hợp đầy đủ các chức năng của các phần hành kế toán theo dõi, thực hiện theo từng dự án, công trình.
	TN4	PMKT phải có khả năng mở rộng và nâng cấp theo nhu cầu trong tương lai của doanh nghiệp.
Chi phí sử dụng phần mềm	CP1	PMKT có mức giá phù hợp với khả năng chi trả của doanh nghiệp.
	CP2	PMKT có mức giá cạnh tranh so với các PMKT khác cùng loại
	CP3	Doanh nghiệp hài lòng với chi phí bỏ ra và lợi ích mang lại khi sử dụng phần mềm.
Uy tín của nhà cung cấp phần mềm	UT1	Nhà cung cấp phần mềm có danh tiếng và uy tín trên thị trường phần mềm.
	UT2	Nhà cung cấp phần mềm có những sản phẩm phổ biến trên thị trường, được nhiều doanh nghiệp trong ngành xây dựng tin dùng.
	UT3	Nhà cung cấp phần mềm có kinh nghiệm kinh doanh về phát triển phần mềm kế toán.
	UT4	Nhà cung cấp phần mềm có một lượng khách hàng lớn trên thị trường.
	UT5	Nhà cung cấp phần mềm cam kết hỗ trợ lâu dài và chịu trách nhiệm khi xảy ra sự cố.
Dịch vụ sau bán hàng	DV1	Nhà cung cấp sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp khi có sự cố phần mềm
	DV2	Nhà cung cấp phần mềm có chế độ bảo trì, nâng cấp phần mềm tốt.
	DV3	Nhà cung cấp phần mềm có hệ thống nhân viên tư vấn, hỗ trợ khách hàng chuyên nghiệp.
	DV4	Nhà cung cấp phần mềm có chế độ chăm sóc khách hàng tốt.

Quyết định lựa chọn phần mềm kế toán	QĐ1	Doanh nghiệp lựa chọn PMKT vì đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.
	QĐ2	Doanh nghiệp lựa chọn PMKT vì phần mềm đáp ứng đầy đủ các tính năng.
	QĐ3	Doanh nghiệp lựa chọn PMKT vì phần mềm có giá phí phù hợp
	QĐ4	Doanh nghiệp lựa chọn PMKT vì phần mềm có thương hiệu uy tín trên thị trường.
	QĐ5	Doanh nghiệp lựa chọn PMKT vì phần mềm có dịch vụ sau bán hàng tốt.

(Nguồn: Tổng hợp từ tổng quan nghiên cứu)

Thang đo phiếu khảo sát được sử dụng theo dạng thang đo danh nghĩa hoặc thang đo thứ bậc. Đối với dạng câu hỏi thuộc các yếu tố trong mô hình tác giả sử dụng theo thang đo likert với 6 mức độ từ (1) Hoàn toàn không đồng ý tới (5) Hoàn toàn đồng ý.

Bảng 2. Bảng mô tả thang đo Likert

Hoàn toàn không đồng ý tới → Hoàn toàn đồng ý				
1	2	3	4	5
Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung bình	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý

(Nguồn: Đề xuất của tác giả)

2.2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp định lượng với kỹ thuật gửi bảng câu hỏi điều tra. Việc kiểm định thang đo cùng các giả thuyết đề ra bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích tương quan giữa các nhân tố, phân tích hồi quy tuyến tính dựa trên kết quả xử lý số liệu thống kê SPSS 20.

Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu trong nghiên cứu được thực hiện từ việc khảo sát đối tượng là Ban Giám đốc đơn vị, kế toán trưởng và kế toán viên tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa tác giả tiến hành khảo sát là 200 đơn vị, mỗi đơn vị tác giả khảo sát 5 phiếu (Bao gồm: Ban giám đốc, kế toán trưởng, kế toán viên). Số lượng bảng khảo sát được phát trực tiếp là 400 phiếu, tuy nhiên số lượng bảng câu hỏi thu về là 231 phiếu. Sau khi làm sạch dữ liệu nghiên cứu tiến hành thống kê có 16 phiếu không hợp lệ và 215 phiếu hợp lệ. Sau khi có kết quả khảo sát, tác giả tiến hành kiểm định các giả thuyết của mô hình từ đó đưa ra một số đề xuất dựa trên kết quả nghiên cứu này.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả nghiên cứu định tính

Theo vị trí công tác: người tham gia khảo sát đang công tác tại vị trí kế toán viên với số lượng 158 người chiếm 73,5%; 47 người tham gia khảo sát giữ chức vụ kế toán trưởng tương đương 21,9% và 10 Giám đốc tham gia khảo sát chiếm tỷ lệ 4,7% trong tổng số.

Theo kinh nghiệm làm việc: người tham gia khảo sát có kinh nghiệm dưới 2 năm có số lượng 41 người chiếm 19,1%; 128 người tham gia khảo sát có kinh nghiệm từ 2 - 5 năm chiếm 59,5%; 46 người tham gia khảo sát có kinh nghiệm từ 10 năm trở lên chiếm 21,3% trong tổng số.

Theo quy mô doanh nghiệp: người tham gia khảo sát đang công tác tại doanh nghiệp nhỏ có số lượng 48 người chiếm 22,3% và 167 người tham gia khảo sát công tác tại doanh nghiệp vừa chiếm tỷ lệ 77,7% trong tổng số.

Theo nội dung doanh nghiệp tự viết phần mềm kế toán: 100% số lượng doanh nghiệp được khảo sát mua ngoài phần mềm kế toán.

Bảng 3. Thống kê mô tả mẫu khảo sát

Mô tả		Tần số	Tỷ lệ %
Số năm kinh nghiệm	Dưới 2 năm	41	19,1
	Từ 2 - 5 năm	128	59,5
	Từ 10 năm trở lên	46	21,4
Quy mô của doanh nghiệp	Doanh nghiệp nhỏ	48	22,3
	Doanh nghiệp vừa	167	77,7
Doanh nghiệp tự viết phần mềm kế toán	Tự viết PMKT	0	0
	Thuê ngoài viết PMKT	0	0
	Phần mềm mua ngoài	215	100
Chức vụ	Giám đốc	10	4,7
	Kế toán trưởng	47	21,9
	Kế toán viên	158	73,5

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

3.2. Kết quả nghiên cứu định lượng

3.2.1. Kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Tác giả thực hiện kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Theo Nunnally & Bernstein (1994), tiêu chuẩn để chấp nhận các biến là mức giá trị hệ số Cronbach's Alpha $\geq 0,60$; hệ số tương quan biến - tổng Corrected item-total correlation $\geq 0,30$. Kết quả chạy kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha tại bảng 4 cho thấy, thang đo các nhân tố đạt yêu cầu về độ tin cậy, hệ số Alpha khá cao.

Bảng 4. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

STT	Thang đo	Kết quả Cronbach's Alpha	Đánh giá kết quả
1	Yêu cầu của người sử dụng PMKT	0,940	Chấp nhận
2	Tính năng của phần mềm kế toán	0,904	Chấp nhận
3	Chi phí sử dụng phần mềm kế toán	0,766	Chấp nhận
4	Uy tín nhà cung cấp phần mềm kế toán	0,914	Chấp nhận
5	Dịch vụ sau bán hàng	0,811	Chấp nhận
6	Quyết định lựa chọn phần mềm kế toán	0,822	Chấp nhận

(Nguồn: Kết quả từ phân tích dữ liệu)

3.2.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả phân tích EFA cho thấy chỉ số KMO là $0,891 > 0,5$ và hệ số chi - bình phương của kiểm định Bartlett đạt giá trị 3.208,431 với mức nghĩa Sig. = $0,000 < 0,05$. Điều này chứng tỏ, dữ liệu dùng để phân tích EFA là hoàn toàn phù hợp và các biến có mối tương quan với nhau. Mô hình nghiên cứu gồm có 5 nhóm nhân tố với 22 biến quan sát ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa.

Bảng 5. Ma trận xoay các biến độc lập

	Component				
	1	2	3	4	5
YC4	0,870				
YC3	0,865				
YC6	0,857				
YC2	0,831				
YC5	0,820				
YC1	0,813				
UT2		0,825			
UT1		0,817			
UT4		0,816			
UT5		0,795			
UT3		0,754			
TN2			0,864		
TN3			0,846		
TN1			0,791		
TN4			0,760		
DV3				0,787	
DV4				0,785	
DV2				0,765	
DV1				0,763	
CP2					0,780
CP1					0,749
CP3					0,749

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu)

Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho các phụ thuộc cho thấy: Hệ số KMO là 0,724 (thỏa điều kiện $0,5 < KMO < 1$). Phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu cho ra kết quả kiểm định Bartlett's là 403,726 với mức ý nghĩa sig = $0,000 < 0,05$, điều này cho thấy các biến quan sát tương quan với nhau trong tổng thể. Giá trị Eigenvalues = 2.942 (> 1) và tổng phương sai trích = 58,837% ($> 50\%$) đạt yêu cầu. Tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5 nên thang đo các nhân tố của biến phụ thuộc đạt yêu cầu.

Bảng 6. Phân tích EFA các nhóm biến phụ thuộc

Biến quan sát	Thành phần
	1
QD2	0,824
QD1	0,808
QD3	0,776
QD5	0,724
QD4	0,696
Eigenvalues = 2,942	
Tổng phương sai trích = 58,837%	

(Nguồn: Phụ lục - Kết quả phân tích dữ liệu)

Như vậy, qua kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho thấy, có 5 nhân tố được trích ra từ phân tích của 22 biến quan sát phù hợp với mô hình. Các nhân tố này không thay đổi so với mô hình nghiên cứu ban đầu nên không cần hiệu chỉnh. Tuy nhiên, để đánh giá sự tác động của 5 nhân tố độc lập này đến biến phụ thuộc thì chúng ta cần tìm hiểu sự tương quan bằng việc phân tích hồi quy để xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ tác động của từng nhân tố.

3.2.3. Phân tích tương quan giữa các nhân tố

Kết quả phân tích tương quan cho thấy biến phụ thuộc quyết định lựa chọn PMKT có mối quan hệ chặt chẽ với 5 biến độc lập: yêu cầu của người sử dụng, tính năng của phần mềm, uy tín của nhà cung cấp phần mềm, chi phí sử dụng phần mềm, dịch vụ sau bán hàng ở mức ý nghĩa 1%. Như vậy, phân tích hồi quy là phù hợp, đảm bảo phân tích hồi quy ở những bước tiếp theo.

3.2.4. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính

Bảng 7. Phân tích hồi quy

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến		
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF	
1	(Constant)	-0,243	0,243		-1,002	0,318		
	YEUCAU	0,245	0,043	0,275	5,643	0,000	0,746	1,340
	TINHNANG	0,308	0,052	0,313	5,912	0,000	0,634	1,578
	CHIPHI	0,190	0,057	0,172	3,356	0,001	0,677	1,476
	UYTIN	0,178	0,048	0,196	3,675	0,000	0,628	1,593
	DICHVU	0,145	0,051	0,131	2,828	0,005	,832	1,202

(Nguồn: Phụ lục - Kết quả phân tích dữ liệu)

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy: hệ số VIF của các biến độc lập có giá trị từ 1,205 đến 1,593 (tất cả đều nhỏ hơn 3). Vì vậy, có thể kết luận mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến, nghĩa là không có mối quan hệ tuyến tính giữa các biến.

Phương trình hồi quy thể hiện mối quan hệ giữa biến độc lập và biến phụ thuộc từ kết quả chạy lại lần 2 dựa trên hệ số hồi quy chuẩn hóa β như sau:

$$QD = 0,275YC + 0,313TN + 0,172CP + 0,196UT + 0,131DV$$

Kết quả phân tích hồi quy đã trả lời được câu hỏi nghiên cứu của đề tài chỉ ra 5 nhân tố tác động đến sự lựa chọn PMKT là: Yêu cầu của người dùng; Các tính năng của phần mềm; Chi phí sử dụng phần mềm; Uy tín của nhà cung cấp phần mềm, Dịch vụ sau bán hàng. Mức độ tác động của từng nhân tố được thể hiện như sau: Nhân tố tính năng của phần mềm kế toán có tác động mạnh nhất đến sự lựa chọn phần mềm kế toán với hệ số hồi quy là 0,313. Tiếp đến là yêu cầu của người sử dụng với hệ số hồi quy là 0,275, uy tín nhà cung cấp phần mềm với hệ số hồi quy là 0,196, chi phí sử dụng phần mềm với hệ số hồi quy là 0,172 và thấp nhất là dịch vụ sau bán hàng với hệ số hồi quy là 0,131.

3.2.5. Một số đề xuất giải pháp và kiến nghị

Yêu cầu của người sử dụng: Hiểu rõ tầm quan trọng của phần mềm kế toán đối với doanh nghiệp, các doanh nghiệp cần xem xét sự phù hợp của phần mềm kế toán với đặc điểm, quy mô, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh. Nhà cung cấp PMKT phải cung cấp phần mềm phù hợp với yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cụ thể, PMKT phải đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, các công ty cung cấp phần mềm phải có đội ngũ nhân viên lành nghề hỗ trợ cho doanh nghiệp trong quá trình sử dụng PMKT và nên tham khảo ý kiến của những doanh nghiệp đã từng sử dụng phần mềm để cung cấp PMKT tối ưu nhất.

Tính năng của phần mềm: Những sản phẩm của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực xây dựng thường là các công trình xây dựng có giá trị và khối lượng lớn, thời gian thi công kéo dài. Vì vậy, việc quản lý công tác đầu tư xây dựng cơ bản hiệu quả, hạn chế thất thoát và tránh lãng phí là một trong yêu cầu quan trọng cho các nhà quản lý, điều này đòi hỏi nhà quản lý phải có đầy đủ thông tin về tài chính kế toán và phần mềm kế toán là một công cụ quan trọng hỗ trợ kế toán, góp phần làm cho các quyết định kinh tế, tài chính được đúng đắn, kịp thời. Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa cần đầu tư tìm hiểu về tính năng của phần mềm kế toán một cách kỹ lưỡng, phù hợp với đặc thù hoạt động xây dựng như quản lý giá thành từng công trình, công nợ, lãi/lỗ từng công trình, dự toán công trình,... để giúp gọn nhẹ công tác kế toán, góp phần tạo lập các báo cáo kế toán, báo cáo quản trị một cách nhanh chóng. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần quan tâm đến các tính năng như: tính bảo mật, tính linh hoạt, khả năng tương thích, khả năng nâng cấp,... với giao diện phần mềm đơn giản, dễ sử dụng.

Chi phí sử dụng phần mềm: Doanh nghiệp cần phải so sánh, đối chiếu các mức giá của các nhà cung cấp khác nhau. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí bỏ ra phải mang lại lợi ích tương ứng hay lớn hơn thì mới là hiệu quả. Do vậy, doanh nghiệp cần dự toán cụ thể kinh phí mua phần mềm kế toán, xem xét những lợi ích về phần mềm mang lại để mang lại lợi ích dài lâu.

Uy tín của nhà cung cấp: Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều nhà cung cấp phần mềm kế toán cạnh tranh với các mức giá phí khác nhau. Vì vậy, khi lựa chọn phần mềm doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ càng về thông tin nhà cung cấp, những ý kiến, phản hồi của

khách hàng cũ về chất lượng phần mềm, có thể tham khảo lời khuyên của những người đã sử dụng phần mềm hay các chuyên gia tư vấn phần mềm kế toán. Việc sử dụng sản phẩm phần mềm của các nhà cung cấp uy tín sẽ giúp doanh nghiệp an tâm hơn về chất lượng phần mềm, dịch vụ chăm sóc khách hàng,...

Dịch vụ sau bán hàng: Khi đã mua phần mềm kế toán, thì việc sử dụng phần mềm kế toán trong thời gian hoạt động sẽ có thể phát sinh nhiều lỗi kỹ thuật như hư hỏng, sai sót, tốc độ chậm hay cần nâng cấp, cải thiện phần mềm kế toán phù hợp với các thông tin, nghị định kế toán,... Việc này đòi hỏi các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực xây dựng khi lựa chọn phần mềm kế toán cần chú trọng quan tâm đến chế độ chăm sóc khách hàng sau bán hàng như: công tác bảo trì, sửa chữa, hỗ trợ nâng cấp sản phẩm, thường xuyên gọi điện khảo sát ý kiến khách hàng,... Các nhà cung cấp phần mềm có các dịch vụ sau bán hàng tốt sẽ giúp quá trình vận hành phần mềm kế toán diễn ra thuận lợi, những phát sinh sau quá trình sử dụng sẽ được giải quyết một cách tốt nhất, tránh được các tổn thất cho doanh nghiệp.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã xác định được năm nhân tố tác động đến quyết định lựa chọn PMKT của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa gồm có: Yêu cầu của người sử dụng, Tính năng của phần mềm, Chi phí sử dụng phần mềm, Uy tín của nhà cung cấp và Dịch vụ sau bán hàng. Qua nghiên cứu, cũng khái quát được thực trạng sử dụng PMKT của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực xây dựng tại Thanh Hóa, đồng thời đề xuất một số hàm ý quản trị giúp cho doanh nghiệp đưa ra quyết định lựa chọn PMKT một cách có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Phước Bảo Ân (2012), *Giáo trình Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Abu-Musa, A.A.(2005), *The Determinates of Selecting Accounting Software: A Proposed Model*, The Review of Business Information Systems - Summer 2005, Vol. 9(3):85-110.
- [3] Anil S.Jadhav and Rajendra M.Sonar (2009), *Evaluating and selecting software packages: A review*, Information and software technology, 51(3):555-563.
- [4] Elikai et al (2007), *Accounting software selection and User Satisfaction*, The CPA Journal, (77):26-31.
- [5] Nunnally, J. C. và Bernstein, I. H. (1994), *Psychometric theory (3rd ed.)*, New York: McGraw-Hill.1.
- [6] Lapierre, J (2000). *Customer, perceived value in industrial contexts*. Journal of Business & Industrial Marketing, (15):122-140.
- [7] Parry, S., Jones, R., KupiecTeahan, B. (2010), *Understanding customers and relationships in software technology SMEs*, Bangor Business School, Prifysgol Bangor University (Cymru/Wales).

FACTORS INFLUENCING THE DECISION TO CHOOSE ACCOUNTING SOFTWARE BY SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES IN THE CONSTRUCTION SECTOR IN THANH HOA

Le Thi Minh Tri

ABSTRACT

The study aims to identify the factors influencing the decision to select accounting software (AS) among small and medium enterprises (SMEs) in the construction sector in Thanh Hoa. Based on theoretical foundations and research models established in previous studies, the author conducted this study by collecting primary data through surveys of 215 leaders, chief accountants, and heads of departments/divisions in SMEs in the construction sector in Thanh Hoa in 2024. The research findings reveal five factors influencing the decision to adopt AS in SMEs in the construction sector in Thanh Hoa, ranked in order of importance: software features, user requirements, software costs, the reputation of the software provider, and after-sales services. Based on the research results, several recommendations are proposed to help SMEs in the construction sector in Thanh Hoa choose appropriate AS, thereby enhancing their business performance.

Keywords: *Small and medium enterprises (SMEs), construction sector, accounting software, Thanh Hoa province.*

* Ngày nộp bài: 9/12/2024; Ngày gửi phản biện: 16/12/2014; Ngày duyệt đăng: 28/2/2025